

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2023
V/v xin ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Sơ
- Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Sa Hoàng Nhật Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

N đơn: Anh Bùi Mạnh Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn anh Bùi Mạnh Đ trình bày như sau:

Anh và chị Lò Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 06/02/2015 và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi cưới, anh chị chung sống được khoảng 01 tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể Đ được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Mạnh Đ giữ N yêu cầu xin ly hôn, xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 19/6/2015 là con chung của anh và chị N. Anh đề nghị giao cháu U cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng là 1.000.000VNĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lò Thị N trình bày như sau:

Anh và anh Bùi Mạnh Đ kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn nhưng chưa tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi đăng ký kết hôn, chị về nhà chồng tại Chiềng Sung sinh sống, khi chị có thai đến tháng thứ 7, anh Đ đã đưa chị về nhà bố mẹ đẻ ở C sinh sống để tiện có người chăm sóc khi anh Đ đi lái xe. Sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ sống, anh Đ luôn tìm cách trốn tránh, không hỏi thăm mẹ con chị. Sau đó, anh Đ không còn quan lại và bỏ mẹ con chị từ đó đến nay. Nay anh Đ có nguyện vọng ly hôn, chị cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 09/5/2015. Từ khi sinh ra đến nay, chị đã nuôi dưỡng cháu U. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000VNĐ do anh Đ làm lái xe có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng theo quy định tại Điều 1208 Bộ luật tố tụng dân sự tại gia đình chị Lò Thị N và ban quản lý bản H, xã C.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 09/5/2015 có nguyện vọng ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với N đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay N đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. TU xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Mạnh Đ và chị Lò Thị N. Về con chung, giao cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 09/5/2015 cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Buộc anh Bùi Mạnh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 1.000.000VNĐ. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí: N đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Mạnh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Lò Thị N có địa chỉ nơi cư trú tại: Bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với N đơn, bị đơn lần thứ hai nhưng vắng mặt. N đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lò Thị N và anh Bùi Mạnh Đ.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bùi Mạnh Đ và chị Lò Thị N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2015. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N và anh Đ đều xác nhận, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại

bản H, xã C sống, vì vậy anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không ai còn quan tâm gì đến nhau. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, chị N nhất trí. Qua xác minh, gia đình chị N và Ban quản lý bản H đều xác nhận: Chị N và anh Đ sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, hôn nhân chung không hạnh phúc, anh chị đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Mạnh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị Lò Thị N.

[2.2] *Về con chung*: Các tài liệu chị N cung cấp và xác định của anh Đ khẳng định trong thời gian hôn nhân, chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 09/5/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh xác định cháu U đang ở cùng mẹ. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi, cháu Bùi Thị Như U có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của N đơn, bị đơn và con chung, giao cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 09/5/2015 chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 5.000.000VNĐ **thời điểm tính từ ngày vợ chồng ly hôn** vì cho rằng anh Đ làm lái xe nên có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ nhận cấp dưỡng 1.000.000VNĐ/tháng do anh không có công việc và thu nhập ổn định. Qua xác minh xác định anh Đ không có công việc ổn định, việc lái xe thuê không có thu nhập ổn định. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng phải phù hợp với điều kiện của người cấp dưỡng. Do đó, cần buộc anh Bùi Mạnh Đ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu U mỗi tháng là 1.000.000VNĐ. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu U đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn và bị đơn thống nhất xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] *Về án phí*: Anh Bùi Mạnh Đ phải nộp án phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Mạnh Đ và chị Lò Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Như U, sinh ngày 09/5/2015 cho chị Lò Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N. Buộc anh Bùi Mạnh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu U định kỳ cùng chị Lò Thị N mỗi tháng là 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu U đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh Đ và chị N xác định không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Bùi Mạnh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 300.000VNĐ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số AA/2021/0002386 ngày 17 tháng 02 năm 2023** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: N đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh

